

**CẦN TÂY (Toàn cây)**

**Độ ẩm**

Không được quá 12,0 % (Phụ lục 12.13).

**Tro toàn phần**

Không được quá 15,0 % (Phụ lục 9.8).

**Tạp chất**

Không được quá 5 % (Phụ lục 12.11).

**Tỷ lệ vụn nát**

Không được quá 6 % (Phụ lục 12.12, dùng rây số 500).

**Chất chiết được trong dược liệu**

Không được nhỏ hơn 7,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt. Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10) dùng *ethanol* (TT) làm dung môi.

**Bảo quản**

Đề nơi khô ráo, thoáng mát.

**Tính vị, quy kinh**

Vị đắng, cay, mùi thơm.

**Công năng, chủ trị**

Trị hen suyễn, khó thở, viêm phế quản, viêm màng phổi, trướng bụng, đầy hơi, tiêu hóa kém.

**Cách dùng, liều lượng**

Ngày dùng 5 g đến 9 g, dạng thuốc hãm, sắc.

**CẦN TÂY (Toàn cây)**

***Apii graveolentis Herba***

Toàn cây được làm khô hoặc cây tươi của cây Cần tây (*Apium graveolens* L.), họ Hoa tán (Apiaceae). Thu hoạch vào vụ đông xuân, khi cây sắp ra hoa. Nhổ cả cây, rửa sạch, cắt thành những đoạn dài 4 cm đến 6 cm, phơi hay sấy khô.

**Mô tả**

Dược liệu đã phơi hay sấy khô là những đoạn thân màu xanh nhạt, khô, dai, có nhiều rãnh dọc, dài 4 cm đến 6 cm. Đoạn thân ở ngọn mang lá hay cuống lá, đoạn ở sát gốc có bẹ. Lá màu xanh lục, mỏng, khô quăn, chia 3 thùy, mép có răng cưa không đều, dài 1,5 cm đến 3,0 cm. Rễ chùm màu nâu nhạt, có nhiều rễ con, một số rễ con phát triển to hơn. Dược liệu không vị, có mùi thơm đặc trưng.

**Vi phẫu**

**Thân:** Biểu bì gồm một hàng tế bào hình chữ nhật xếp đều đặn. Mô dày gồm những tế bào có thành dày, xếp sát nhau tạo thành từng đám sát dưới biểu bì. Mô mềm vỏ gồm những tế bào hình trứng có thành mỏng, không đều, xếp lộn xộn. Trong mô mềm có ống tiết tinh dầu là những tế bào có thành, tròn đều. Có 7 đến 9 bó libe-gỗ. Libe-gỗ hình cung quay mặt lõm vào trong, libe ở ngoài, gỗ ở trong tạo thành những bó to nhỏ khác nhau xếp đều đặn. Tùy vào giai đoạn phát triển mà có thể có hoặc không có mô mềm ruột gồm các tế bào hình trứng to nhỏ không đều.

**DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI**

**Gân giữa lá:** Biểu bì trên và biểu bì dưới gồm một hàng tế bào hình chữ nhật xếp đều đặn. Mô dày gồm những tế bào có thành dày, xếp sát nhau thành đám ở chỗ lồi của gân chính. Mô mềm gồm những tế bào hình trứng, có thành mỏng, không đều, xếp lộn xộn. Một bó libe-gỗ hình gần vòng cung, quay mặt lõm lên trên. Lóp libe ở dưới dày hơn lóp libe ở trên.

**Phiến lá:** Biểu bì trên và biểu bì dưới gồm một hàng tế bào hình chữ nhật xếp đều đặn. Mô mềm gồm những tế bào hình trứng, có thành mỏng, không đều. Bó libe-gỗ của gân phụ có hình gần vòng cung, quay mặt lõm lên trên.

**Rễ:** Mặt cắt rễ hình gần tròn. Lóp bản gồm hai hàng tế bào hình chữ nhật xếp sát nhau tạo thành vòng đồng tâm, dày xuyên tâm. Mô mềm vỏ gồm vài lớp tế bào hình trứng thành mỏng nằm sau lóp bản. Libe phát triển mạnh, chiếm phần lớn rễ. Các mạch gỗ lớn nằm sát nhau. Libe ở ngoài, gỗ ở trong tạo thành đám xếp sát nhau. Tia ruột là những tế bào xếp hàng dọc nằm ngăn cách giữa các bó libe-gỗ.

**Bột**

Bột màu xanh xám, mùi đặc trưng. Soi kính hiển vi thấy: Mảnh bản gồm những tế bào hình chữ nhật, có thành dày. Mảnh mô mềm gồm các tế bào hình trứng, thành mỏng. Sợi dài, thường kết thành từng bó. Các mảnh mạch vạch, mạch xoắn. Lỗ khí hình hạt đậu nằm rải rác. Tinh thể calci oxalat hình khối, hình hộp chữ nhật. Hạt tinh bột hình tròn, rốn hạt hình sao rõ, đường kính 8,0  $\mu$ m đến 12,5  $\mu$ m, nằm riêng lẻ hay tập trung thành đám trong tế bào mô mềm.

**Định tính**

A. Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 30 ml *ethanol* 90 % (TT), đun sôi trong cách thủy 10 min, lọc nóng, được dịch lọc (dung dịch A). Lấy 1 ml dung dịch A, đun sôi, để nguội, được dung dịch trong. Thêm 2 ml *nước cất*, lắc đều, xuất hiện tủa đục.

B. Lấy phần dung dịch A còn lại đem cô tới cạn, thêm khoảng 10 ml *nước* nóng, khuấy đều, lọc nóng, cô dịch lọc trong cách thủy tới cạn, hoà tan cần trong 10 ml *ethanol* 90 % (TT). Cho 1 ml dung dịch thụ được vào ống nghiệm, thêm một ít bột *magnesi* (TT), nhỏ 3 giọt đến 5 giọt *acid hydrocloric* (TT), để yên vài phút, dung dịch sẽ chuyển từ màu vàng sang màu đỏ cam.

C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

**Bản mỏng:** *Silica gel* 60F<sub>254</sub>.

**Dung môi khai triển:** *Toluen* - *ethyl acetat* - *acid formic* (4 : 4 : 0,5).

**Dung dịch thử:** Lấy 3 g bột dược liệu, thêm 15 ml *ethanol* 96 % (TT), đun sôi trên cách thủy 10 min, lọc nóng. Bóc hơi dịch lọc còn khoảng 2 ml, được dung dịch chấm sắc ký.

**Dung dịch chất đối chiếu:** Hoà tan apigenin chuẩn trong *methanol* (TT) để thu được dung dịch có nồng độ 0,1 mg/ml.

**Dung dịch dược liệu đối chiếu:** Nếu không có apigenin chuẩn, lấy 3 g bột Cần tây (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

**Cách tiến hành:** Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20  $\mu$ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra



để khô ở nhiệt độ phòng. Phun hỗn hợp dung dịch acid boric 10 % - acid oxalic 10 % (2 : 1) hoặc thuốc thử NP-PEG (TT). Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được điều đối chiếu, hoặc có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết apigenin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

#### **Độ ẩm**

Không quá 11,0 % đối với dược liệu khô (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

#### **Tro toàn phần**

Không quá 24,0 % (Phụ lục 9.8).

#### **Chất chiết được trong dược liệu**

Không ít hơn 17,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng ethanol 96 % (TT) làm dung môi.

#### **Bảo quản**

Để nơi khô, thoáng mát, tránh nấm mốc.

#### **Tính vị, quy kinh**

Vị ngọt, cay, mùi thơm.

#### **Công năng, chủ trị**

Thanh nhiệt, chỉ ho, kích thích tiêu hóa, lợi tiểu. Chủ trị: Khí huyết kém điều hòa, tiểu tiện bí, rất.

#### **Cách dùng, liều lượng**

Dùng tươi: Ngày dùng 500 g. Sau khi nhổ cây, rửa sạch, cắt đoạn dài từ 2 cm đến 3 cm, giã nát, thêm nước đun sôi để nguội, vắt lấy nước để uống.

Dùng khô: Ngày dùng 16 g đến 25 g dược liệu khô dưới dạng hầm hoặc sắc; uống 2 đến 3 lần trong ngày.

#### **Kiểm kỵ**

Khi dùng trị cao huyết áp, nếu huyết áp đã hạ thì ngừng dùng.

### **CÂU ĐĂNG**

#### ***Uncariae Ramulus cum Unco***

Đoạn thân có gai hình móc câu, được làm khô của một số loài câu đằng (*Uncaria spp.*), họ Cà phê (Rubiaceae). Thu hoạch vào giữa mùa xuân đến giữa mùa thu, lấy các dây Câu đằng bánh tẻ, chặt lấy các đoạn có móc câu theo kích thước quy định, đem phơi nắng hoặc sấy ở 50 °C đến 60 °C đến khô.

#### **Mô tả**

Dược liệu là các đoạn mấu thân mang gai hình móc câu. Phần thân vuông, màu nâu thẫm, được cắt đoạn 2 cm đến 3 cm, đường kính 2 mm đến 5 mm, một đầu thường cắt sát gần móc câu (ở phía trên). Phần lớn mấu thân có hai móc câu cong xuống hướng vào trong, đối diện nhau (song câu đằng); một số mấu chỉ có một móc ở một bên và phía đối

diện là một sọc ở cao hơn. Các móc câu thường tròn hoặc hơi dẹt, đầu móc nhọn, để tương đối rộng. Chất cứng, dai, ruột màu trắng vàng hoặc có lỗ. Không mùi, vị nhạt.

Ghi chú: Loại song câu đằng là loại tốt hơn loại đơn móc câu. Khi mới mọc có màu xanh, lúc già có màu nâu. Loại cứng nhưng màu xanh là loại non có chất lượng tốt hơn loại già. Loại câu đằng không có gai không được dùng, không có tác dụng chữa bệnh.

#### **Vị phẫu**

Biểu bì gồm một hàng tế bào hình chữ nhật thành dãy. Giữa mô mềm vỏ và libe đôi khi có những khuyết gian bào, thấy rõ sợi trụ bì. Libe cấp 2 trong có những tế bào chứa chất nhựa màu xanh sẫm. Tầng sinh libe-gỗ. Gỗ cấp 2 xen lẫn những sợi gỗ, trong mô mềm gỗ có tinh thể calci oxalat hình cầu gai. Mô mềm ruột là những tế bào hình nhiều cạnh, hơi kéo dài.

#### **Bột**

Bột màu nâu. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Sợi thành dày, riêng lẻ hoặc tập trung thành bó. Mảnh biểu bì tế bào màu vàng nâu, hình nhiều cạnh. Mảnh mô mềm tế bào đôi khi chứa tinh thể dạng cát. Đôi khi thấy lông che chở đa bào, có thể tới 5 hoặc 7 tế bào, đầu tế bào thuôn nhọn, thành dày, trên bề mặt chứa chất màu nâu. Nhiều đám tế bào mô cứng có khoang rộng, ống trao đổi rõ. Rải rác có các tinh thể calci oxalat hình cầu gai, mảnh mạch vạch, mạch xoắn.

#### **Định tính**

Lấy khoảng 5 g bột dược liệu, thấm ẩm bằng amoniac (TT), để yên 30 min, cho thêm 30 ml ethyl acetat (TT), lắc 5 min đến 10 min, để yên 1 h. Gạn, lọc dịch chiết vào bình gạn, thêm 40 ml nước, lắc kỹ, gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, thêm 5 ml dung dịch acid sulfuric 5 % (TT). Lắc đều và tách lấy lớp acid, chiết tiếp phần dung môi một lần nữa. Gộp các dịch acid cho vào các ống nghiệm để làm các phản ứng sau:

Ống 1: Thêm 2 giọt thuốc thử Mayer (TT), xuất hiện tủa vàng nhạt.

Ống 2: Thêm 2 giọt thuốc thử Dragendorff (TT), xuất hiện tủa đỏ cam.

Ống 3: Thêm 2 giọt thuốc thử Bouchardat (TT), xuất hiện tủa nâu.

Ống 4: Thêm 2 giọt dung dịch acid picric (TT), xuất hiện tủa vàng.

#### **Độ ẩm**

Không quá 12 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

#### **Tạp chất**

Đoạn thân có gai dài quá 3 cm: Không quá 10 % (Phụ lục 12.11).

#### **Chế biến**

Câu đằng đã khô loại bỏ tạp chất, bỏ lá, bỏ những đoạn không có móc câu, rửa sạch phơi khô dùng làm thuốc, câu đằng không sao tẩm.